

- 1. Cho $F = \{AB \rightarrow C, B \rightarrow D, CD \rightarrow E, CE \rightarrow GH, G \rightarrow A\}$. Cho biết các phụ thuộc hàm nào sau đây được suy dẫn từ F nhờ luật dẫn Armstrong

a. $AB \rightarrow E$

b. $AB \rightarrow G$

c. $AB \rightarrow AG$

d. Cả a và b

Đáp án: d

2. Cho lược đồ quan hệ $Q(\text{MSCD}, \text{MSSVM CD}, \text{HG})$ và tập phụ thuộc F như sau:

$$F = \{ \text{MSCD} \rightarrow \text{CD}; \text{CD} \rightarrow \text{MSCD}; \text{CD}, \text{MSSV} \rightarrow \text{HG}; \\ \text{MSCD}, \text{HG} \rightarrow \text{MSSV}; \text{CD}, \text{HG} \rightarrow \text{MSSV}; \\ \text{MSCD}, \text{MSSV} \rightarrow \text{HG} \}$$

Phủ tối thiểu của tập phụ thuộc hàm trên là:

- a. $F(\text{tt}) = \{ \text{MSCD} \rightarrow \text{CD}; \text{CD} \rightarrow \text{MSCD}; \\ \text{CD}, \text{HG} \rightarrow \text{MSSV}; \text{MSCD}, \text{MSSV} \rightarrow \text{HG} \}$
- b. $F(\text{tt}) = \{ \text{CD} \rightarrow \text{MSCD}; \text{CD}, \text{HG} \rightarrow \text{MSSV}; \text{MSCD}, \\ \text{MSSV} \rightarrow \text{HG} \}$
- c. $F(\text{tt}) = \{ \text{MSCD} \rightarrow \text{CD}; \text{CD} \rightarrow \text{MSCD}; \text{MSCD}, \\ \text{MSSV} \rightarrow \text{HG} \}$
- d. Không có câu nào đúng

Đáp án: a

3. Cho lược đồ quan hệ $Q(C,S,Z)$; $F=\{f1: CS \rightarrow Z; f2: Z \rightarrow C\}$

Khóa của lược đồ quan hệ trên là:

a. $\{C,S\}$

b. $\{S,Z\}$

c. $\{C,Z\}$

d. Cả a và b

Đáp án: d

■ ***Dữ liệu sau dùng cho câu 4, 5, 6***

Cho lược đồ quan hệ $Q(G, M, V, N, H, P)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{G \rightarrow M, G \rightarrow N, G \rightarrow H, G \rightarrow P, M \rightarrow V, NHP \rightarrow M\}$

- 4. Quan hệ trên có tập nguồn là:
- $\{G\}$
 - $\{M\}$
 - $\{N\}$
 - Không có câu nào đúng

Đáp án: a

5. Quan hệ trên có tập đích là:

- a. {M, H, P}
- b. {N, H, P}
- c. {M, N, H, P}
- d. Không có câu nào đúng

Đáp án: c

6. Quan hệ trên đạt dạng chuẩn:

- a. 1NF
- b. 2NF
- c. 3NF
- d. BCNF

Đáp án: b

7. Cho quan hệ $Q(S,D,I,M)$ và tập phụ thuộc hàm $F=\{SI \rightarrow D, SD \rightarrow M\}$. Lược đồ Q được phân rã thành những lược đồ con nào sau đây mà không mất mát thông tin:

a. $Q_1(SMD)$

b. $Q_2(SDI)$

c. $Q_1(SMD)$ và $Q_2(SDI)$

d. Không có câu nào đúng

Đáp án: c

8. Cho lược đồ $Q(CTHRSG)$ và tập phụ thuộc hàm $F=\{C\rightarrow T, HR\rightarrow C, TH\rightarrow R, CS\rightarrow G, HS\rightarrow R\}$.
Lược đồ quan hệ Q được phân rã thành những lược đồ con nào sau đây vừa đạt dạng chuẩn 3 vừa bảo toàn thông tin vừa bảo toàn phụ thuộc hàm?
- a. $Q_1(CT)$
 - b. $Q_1(CT), Q_2(HRC), Q_3(THR)$
 - c. $Q_1(HRC), Q_2(THR), Q_3(CSG), Q_4(HSR)$
 - d. $Q_1(CT), Q_2(HRC), Q_3(THR), Q_4(CSG), Q_5(HSR)$

Đáp án: d

Dữ liệu sau được dùng cho các câu 9 đến câu 11

Cho $Q(ABCDEFGH)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{AB \rightarrow D, EG \rightarrow G, G \rightarrow C, D \rightarrow C\}$.

9. Phủ tối thiểu của F là:

a. $F(tt) = \{AB \rightarrow D, EG \rightarrow G, G \rightarrow C, D \rightarrow C\}$

b. $F(tt) = \{B \rightarrow D, EG \rightarrow G, G \rightarrow C, D \rightarrow C\}$

c. $F(tt) = \{AB \rightarrow D, E \rightarrow G, G \rightarrow C, D \rightarrow C\}$

d. $F(tt) = \{A \rightarrow D, E \rightarrow G, G \rightarrow C, D \rightarrow C\}$

Đáp án: a

10. Khóa của Q là:

- a. {ABE}
- b. {ABEH}
- c. {BEHDGF}
- d. {ABHG}

Đáp án: b

11. Các lược đồ con của Q là:

- a. Q1(ABD), Q2(EGH), Q3(GC)
- b. Q1(ABD), Q2(EG),Q5(F,H), Q3(GC), Q4(DC)
- c. Q1(ABD), Q2(EGF), Q3(GC),Q4(DH)
- d. Q1(ABD), Q2(EGF), Q3(GC),Q4(DH), Q5(AF)

Đáp án: b

Dữ liệu sau được dùng cho các câu 12 đến câu 20

Cho một CSDL(dung để quản lý việc đặt hàng giao hàng của một công ty) có các quan hệ như sau:

Q1: KHACH(MAKH, TENKH, DCKH, DT)

Tên từ: mỗi khách hàng có một mã khách hàng duy nhất(MAKH), mỗi mã khách hàng xác định một tên khách hàng(TENKH), một địa chỉ khách hàng(DCKH), một số điện thoại (DT)

Q2: Hang(MAHANG, TENHANG, QUYCACH,DVTINH)

Tên từ: mỗi mặt hàng có một mã hàng (MAHANG) duy nhất, mỗi mã hàng xác định một tên hàng(TENHANG), quy cách hàng(QUY CÁCH), đơn vị tính(DVTINH)

Q3: DATHANG(SODH, MAHANG, SLDAT, NGAYDH, MAKH)

Tên từ: Mỗi lần đặt hàng có số đặt hàng(SODH) xác định một ngày đặt hàng(NGAYDH) và mã khách hàng

Q4: HOADON(SOHDON, NGAYLAP, SODH, TRIGIAHD, NGAYXUAT)

Tên từ: mỗi hóa đơn có 1 mã số duy nhất là SOHDON, mỗi hóa đơn bán hàng gồm nhiều mặt hàng. Mỗi hóa đơn xác định ngày lập hóa đơn(NGAYLAP) ứng với số đặt hàng (SODH). Mỗi hóa đơn xác định trị giá của mặt hàng trong hóa đơn(TRIGIAHD) và một ngày xuất kho giao hàng cho khách (NGAYXUAT)

Q5: CHITIETHD(SOHDON, MAHANG, GIABAN, SLBAN)

Tên từ: mỗi SOHD, MAHANG xác định giá bán(GIABAN) và số lượng bán (SLBAN) của một mặt hàng trong một hóa đơn

Q6: PHIEUTHU(SOPT, NGAYTHU, MAKH, SOTIEN)

Tên từ: mỗi phiếu thu có 1 (SOPT) duy nhất, mỗi

12. Khóa chính của các lược đồ quan hệ trên là:

- a. Q1:MAKH, Q2: MAHANG, Q3:SODH -MAHANG, Q4: SOHDON, Q5:SOHDON -MAHANG, Q6: SOPT
- b. Q1:MAKH, Q2: MAHANG, Q3:SODH, Q4: SOHDON, Q5:SOHDON MAHANG, Q6: SOPT
- c. Q1:MAKH, Q2: MAHANG, Q3:SODH, Q4: SOHDON-SODH, Q5:SOHDON MAHANG, Q6: SOPT
- d. Q1:MAKH, Q2: MAHANG, Q3:SODH, Q4: SOHDON, Q5:SOHDON MAHANG, Q6: SOPT-MAKH

Đáp án: b

13. Trên quan hệ Q1:Khach, có ràng buộc toàn vẹn liên bộ nào?:

a. Với mọi t1,t2 thuộc vào quan hệ r, ta có:

$$t1.MAKH \neq t2.MAKH$$

b. Với mọi t1,t2 thuộc vào quan hệ r, ta có:

$$t1.TENKH \neq t2.TENKH$$

c. Với mọi t1,t2 thuộc vào quan hệ r, ta có:

$$t1.DT \neq t2.DT$$

d. Không có câu nào đúng

Đáp án: a

14. Với r, s lần lượt là một quan hệ của DAHANG, KHACH thì xác định được ràng buộc: $r[\text{MAKH}] \subseteq s[\text{MAKH}]$. Ràng buộc này gọi là ràng buộc toàn vẹn:

- a. về miền giá trị
- b. liên bộ
- c. phụ thuộc tồn tại
- d. liên thuộc tính

Đáp án: c

15. Với r là 1 quan hệ trên $Q4$: HOADON, có ràng buộc: mọi t thuộc vào r , ta có:

$t.NGAYLAP \leq t.NGAYXUAT$, cuối \forall

Ràng buộc này là dạng ràng buộc toàn vẹn:

- a. Liên thuộc tính liên quan hệ
- b. Liên thuộc tính
- c. Miền giá trị
- d. Không có câu nào đúng

Đáp án: b

16. Với r, s lần lượt là quan hệ của
DATHANG, HOADON ta có ràng buộc:
 $t1 \in r, t1 \in s$

nếu $t1.SODH = t2.SODH$ thì

$t1.NGAYDH \leq t2.NGAYXUAT$ cuối \forall

Ràng buộc này là dạng ràng buộc toàn vẹn:

- Liên thuộc tính
- Liên thuộc tính liên quan hệ
- Miền giá trị
- Phụ thuộc tồn tại

Đáp án: b

17. Giả sử muốn lấy thông tin về số lượng hàng đã bán ra cho mỗi khách hàng trong một ngày, ta sử dụng các quan hệ nào để truy xuất dữ liệu?:

a. Q1, Q3, Q5

b. Q1, Q3, Q4, Q5

c. Q1, Q4, Q6

d. Q1, Q2, Q3, Q4, Q5, Q6

Đáp án: a

18. Cho câu lệnh SQL:

```
SELECT count(SOHD)
```


```
FROM HOADON
```

```
GROUP BY NGÀYXUAT;
```

Câu lệnh này sẽ cho kết quả:

- a. Số hóa đơn tương ứng với ngày xuất
- b. Tổng số hóa đơn
- c. Số lượng hóa đơn xuất ra theo ngày
- d. Câu lệnh không đúng


Đáp án: c



```
19. SELECT MAKH, TENKH, DCKH, DT
FROM KHACH inner join DATHANG
WHERE DATHANG.MAKH is null;
```

Câu lệnh này sẽ cho kết quả:

- a. Không thực hiện được
- b. Danh sách các khách hàng không đặt hàng
- c. Danh sách các khách hàng đặt hàng
- d. Lấy danh sách tất cả các khách khách hàng

- 
20. Muốn lấy thông tin những khách hàng nào đặt hàng nhiều nhất ta phải dùng:
- a. Hàm Max
 - b. Không cần hàm nào cả
 - c. Hàm Max và câu lệnh SELECT lồng nhau (truy vấn con)
 - d. Không làm được trên CSDL trên

Đáp án: c

22. Cho câu truy vấn sau:

```
SELECT customer_name, telephone  
FROM customers
```

```
WHERE city in
```

```
("BOSTON", "NEWYORK", "DENVER");
```

Kết quả trả về của câu truy vấn này là:

- Tên và số điện thoại của những khách hàng sống ở BOSTON, hoặc NEWYORK, hoặc DENVER
- Tên và số điện thoại của những khách hàng sống ở BOSTON và NEWYORK và DENVER
- Tên của những khách hàng sống ở BOSTON, hoặc NEWYORK, hoặc DENVER
- Tên và số điện thoại của tất cả các khách hàng

Đáp án: a

23. Cho câu truy vấn:

```
SELECT E.EMPLOYEE_NAME, P.PAYSCALE
FROM EMPLOYEES E
WHERE 500 > ALL(SELECT P.BONUSPAY
                FROM PAYLIST P
                WHERE P.EMPLOYEEID =
                E.EMPLOYEE_ID);
```

Câu truy vấn trên sai ở điểm nào:

- a. Câu lệnh SELECT không thể lấy cột PAYSCALE
- b. Subquery không thể trả về nhiều dòng
- c. Subquery không thể truy cập dữ liệu ở bảng EMPLOYEES
- d. Không có lỗi nào.

Đáp án: a

24. Cho phụ thuộc hàm: $A \rightarrow (X, Y)$. Câu trả lời nào sau đây đúng:

- a. A xác định Y
- b. X và Y phụ thuộc hàm vào A
- c. X là 1 phụ thuộc hàm trên A
- d. Tất cả các câu trên

Đáp án : d

25. Cho $Y(D, V, B, L, Q)$ và tập phụ thuộc hàm :

$$C = \{ DV \rightarrow B ; BL \rightarrow Q ; B \rightarrow D ; Q \rightarrow L \}$$

Bao đóng của tập thuộc tính $\{D, V, Q\}$ trên C là :

- a. $\{D, V, L\}$
- b. $\{D, V, B, L, Q\}$
- c. $\{D, V, B, L\}$
- d. $\{D, B, L\}$

Đáp án : b

26. Giả sử có table với các field A, B, C và D. Có các phụ thuộc hàm như sau:

$A, B \rightarrow C$

$A, B \rightarrow D$

$D \rightarrow C$

Dạng chuẩn cao nhất mà quan hệ trong table đạt được:

a. BCNF

b. 2 NF

c. 1 NF

d. 3 NF

Đáp án: b

27. Cho quan hệ $R(U, C, B, T, J)$ và tập phụ thuộc hàm $F = \{U \rightarrow C, C \rightarrow B, B \rightarrow T, T \rightarrow J, B \rightarrow U, J \rightarrow T\}$. Bao đóng của tập $\{U, C, J\}$ trên tập phụ thuộc hàm F là:

- a. $\{U, C, J\}$
- b. $\{U, C, J, T, B\}$
- c. $\{U, C, J, B\}$
- d. $\{U, C, J, T\}$

Đáp án: b



28. Trong SQL server 2000, database được phân thành 2 dạng file. Đó là:

- a. Data File và File Group
- b. Data File và TRansaction log file
- c. Primary data file và Secondary data file
- d. Không có câu nào đúng

Đáp án: b

29. Cho câu lệnh SQL:

```
CREATE TABLE SALESREP( SalesRepNo int not
null, RepName char(35) not null, HireDate
datetime not null, CONSTRAINT SalesRepPK
PRIMARY KEY(SalesRepNo), CONSTRAINT
SalesRepAK1 UNIQUE(RepName));
```

Trong câu lệnh trên:

- a. RepName là khóa ngoại
- b. RepName là khóa dự tuyển
- c. RepName là khóa chính
- d. Không có câu nào đúng

Đáp án: b

30 Một bảng có thể có nhiều khóa ngoại.

- a. TRUE
- b. FALSE

Đáp án: a

31. Một bảng có thể có nhiều khóa chính

- a. TRUE
- b. FALSE

Đáp án: b

32. Q3 Khóa chính không thể chứa giá trị NULL

- a. TRUE
- b. FALSE

Đáp án: a

33. Có 1 bảng Student: Roll_Num kiểu int, FirstName kiểu Char. Câu lệnh select sau sẽ cho kết quả như thế nào:

```
SELECT Roll_Num + '->' + FirstName FROM Student
```

- a. Dữ liệu cột Roll_Num nối với dữ liệu cột FirstName bởi ký tự '->'.
- b. Dữ liệu cột FirstName nối với dữ liệu cột Roll_Num bởi ký tự '->'.
- c. Ký tự '->' không được dùng trong câu lệnh SELECT
- d. SQL Server sẽ đưa ra lỗi.

Đáp án: a

34. Câu lệnh nào đúng cho yêu cầu thêm 1 cột “Stud_Age” vào bảng StudentMaster đã tồn tại.

- a. `ALTER TABLE Student-Master
ADD Stud_Age INT`
- b. `MODIFY TABLE Student-Master
ADD Stud_Age INT`
- c. `UPDATE TABLE Student-Master
ADD Stud_Age INT`
- d. `ALTER TABLE Student-Master
ADD COLUMN Stud_Age INT`

Đáp án: a

35. Xác định ký tự để hiển thị tất cả các cột của bảng.

a. A

b. #

c. *

d. %

Đáp án: c

36. Những câu truy vấn nào sau đây cho kết quả 10 bản ghi đầu tiên của bảng:

- a. `Select * from Table_name top 10`
- b. `Select top 10 * from Table_name`
- c. `Select top 10 percent * from Table_name`
- d. `Select Top 10 from Table_name`

Đáp án: b


37. Câu nào sau đây nói về **Having** là đúng:

- a. Nó lọc các hàm thống kê trong câu truy vấn
- b. Nó được sử dụng ở vị trí của group by
- c. Nó lọc các kết quả của mệnh đề group by
- d. Nó lọc các kết quả của mệnh đề 'from'

Đáp án: c

38. Mệnh đề nào trong câu truy vấn có tác dụng lọc số lượng bản ghi trả về dựa trên 1 điều kiện nào đó
- a. AS
 - b. TOP
 - c. WHERE
 - d. ORDER BY

Đáp án: c



37. Từ khóa nào để ngăn ngừa sự lặp lại các giá trị trong tập kết quả?

a. Unique

b. Except

c. Only

d. Distinct

Đáp án: d

38. Mục đích của từ khóa ALL chứa trong mệnh đề GROUP BY?

a. ALL trả về số dòng trong bảng

b. ALL hủy bỏ tác dụng của mệnh đề

WHERE

c. ALL bỏ qua mệnh đề HAVING

d. ALL trả về tất cả các hàng mà GROUP BY sinh ra, bỏ qua mệnh đề WHERE

Đáp án: d

39. Quá trình _____ là quá trình xóa bỏ những dư thừa trong dữ liệu.

- a. Chuẩn hóa
- b. Toàn vẹn tham chiếu
- c. Tạo các ràng buộc

Đáp án: a

40. Hàm nào sau đây không phải là hàm thống kê trong SQL ?

- a. Sum
- b. Diff
- c. Mult
- d. Count
- e. Avg

Đáp án: c

41. Xác định thứ tự đúng của các mệnh đề sau.

a. where---having---group by

b. group by---where---having

c. having---where---group by

d. where---group by---having

Đáp án: d


42. Câu lệnh nào sau đây trả về thông tin chi tiết của sinh viên có tên bắt đầu là 'M' trong table Student_master?

a. `SELECT * FROM Student_Master WHERE Stud_Name LIKE 'M%'`

b. `SELECT * FROM Student_Master WHERE Stud_Name LIKE '%M'`

c. `SELECT * FROM Student_Master WHERE Stud_Name LIKE '@M'`

d. `SELECT * FROM Student_Master WHERE Stud_Name LIKE '[M]'`

- 
43. Mục đích của mệnh đề Count(*)?
- a. Hiển thị tất cả các cột của table
 - b. Hiển thị số dòng trong một table .
 - c. Dùng để đếm các cột có kiểu numeric
 - d. Dùng để đếm các dòng có kiểu numeric

Đáp án: b



44. Lệnh Query được viết trong ngôn ngữ nào dưới đây:

a. MS Access

b. Oracle

c. C++

d. SQL

Đáp án: d

45. Trong lệnh cập nhật dữ liệu, nếu ta không dùng mệnh đề WHERE thì:
- a. Tất cả các dòng sẽ được cập nhật
 - b. Chỉ một số dòng được cập nhật
 - c. Không có dòng nào được cập nhật
 - d. Sẽ không thực hiện được lệnh cập nhật

Đáp án: a

46. Cho quan hệ sau:

SANPHAM(MASP, MOTA, NHOMHANG,
KHOHANG, GIAGOC, SOLUONGTON)

Câu lệnh nào sau đây trả lời cho câu hỏi: liệt kê danh sách các sản phẩm chứa trong kho số 3 và có số lượng tồn >30

a. SELECT sum(MASP) as SLTON
FROM SanPham
WHERE KHOHANG =3
GROUP BY MASP
HAVING SLTON>30

b. SELECT * FROM SANPHAM

c. SELECT * FROM SANPHAM WHERE
KHOHANG=3 OR SOLUONGTON>30

d. SELECT * FROM SANPHAM WHERE
KHOHANG=3 AND SOLUONGTON>30

Đáp án: d

Xét 2 quan hệ R và S. Hãy cho biết kết quả của lệnh truy vấn sau:

```
SELECT A FROM R WHERE B=ANY(SELECT B FROM S)
```

R(A,B,C):

a1 b1 c1

a1 b2 c2

a2 b1 c1

a2 b3 c2

a2 b3 c3

S(B,C):

b1 c1

b2 c2

b4 c3

b5 c2

- a. Một bảng gồm 1 cột B và 2 dòng (b1) và (b2)
- b. Một bảng gồm 1 cột A có 5 dòng (a1), (a1), (a2), (a2) và (a2)
- c. Một bảng gồm 1 cột A có 3 dòng (a1), (a1) và (a2)
- d. Một bảng gồm 1 cột A có 3 dòng (a1), (a1) và (a4)

Đáp án: c

Sự thể hiện (bảng 2 chiều) của lược đồ quan hệ Q tại thời điểm bất kỳ gọi là:

- a. quan hệ
- b. Bộ dữ liệu
- c. Lược đồ quan hệ
- d. Không có lựa chọn

Đáp án: a

Hai thực thể kết hợp với nhau theo mỗi kết hợp 1-n(không phát sinh thuộc tính trong mỗi kết hợp) thì khi chuyển sang quan hệ, số quan hệ sẽ là:


a. 1

b. 3

c. 2

d. Tất cả đều sai

Đáp án: c



Mệnh đề WHERE trong ngôn ngữ truy vấn dữ liệu SQL có tác dụng:

- a. Xác định nguồn dữ liệu truy vấn
- b. Thiết lập điều kiện
- c. Giới hạn số cột trong kết quả.
- d. Lựa chọn khác.

Đáp án: b

Cho 2 truy vấn sau cùng truy xuất trên quan hệ $R(a,b,c)$:

Q1: `SELECT DISTINCT a,b FROM R`

Q2: `SELECT a,b FROM R GROUP BY a,b`

- a. Q1 và Q2 có cùng kết quả
- b. Q1 và Q2 có kết quả khác nhau
- c. Kết quả Q1 luôn chứa kết quả Q2
- d. Kết quả Q2 luôn chứa kết quả Q1

Đáp án: b

Để lấy tất cả các dòng trong hai bảng A và B, ta dùng toán tử:


a. intersection

b. difference

c. union

d. product

Đáp án: c



Trong mô hình dữ liệu quan hệ, các đặc trưng riêng của đối tượng gọi là:

a. đặc trưng riêng

b. thuộc tính

c. quan hệ

d. lựa chọn khác

Đáp án: b

Cho lược đồ quan hệ gồm:

NHACUNGCAP(MANCC, TENNCC, THANHPHO)

HANGHOA(MAHANG, TENHANG, MAUSAC)

CUNGUNG(MANCC, MAHANG, SOLUONG)

Tạo câu truy vấn SQL để tìm các sản phẩm được cung ứng bởi tất cả các nhà cung cấp

- a.

```
Select Mahang From Cungung Group by MaHang  
Having Count(*)=(Select count(*) From  
NhaCungcap
```
- b.

```
Select Max(X.Mahang) From Cungung X,  
NhaCungcap Y Where X.MANCC=Y.MaNCC
```

c. Select MaHang From CungUng

Group by MaHang

Having Count(*) = (Select Max(Count(*))

From CungUng

Group By MaHang)

d. Select P.MaHang

From HangHoa P,CungUng S


Where P.MaHang = S.MaHang

Đáp án: a

Bạn đang thiết kế một mô hình cơ sở dữ liệu để quản lý sinh viên. Mỗi sinh viên có thể học nhiều hơn một lớp, mỗi lớp có nhiều sinh viên nhưng chỉ được 1 giáo viên dạy. Bạn có 3 thực thể: sinh viên, giáo viên, Lớp trong CSDL. Dạng quan hệ nào sau đây phải có trong quan hệ giữa sinh viên và lớp học.?

- a. 0-n
- b. 1-1
- c. n-n
- d. 1- n

Đáp án: c



Mệnh đề nào sau đây dùng để đặt điều kiện chọn nhóm trong câu lệnh truy vấn dữ liệu?

- a. Having
- b. Find
- c. Select
- d. Where

Đáp án: a

Bạn muốn sửa đổi cột OrderID trong table Orders từ loại small interger thành integer để tăng sức chứa của hệ thống. Chọn phát biểu đúng:

- a. ALTER TABLE orders(OrderID integer)
- b. ALTER COLUMN Orders.OrderID integer
- c. ALTER TABLE Orders ALTER COLUMN OrderID integer
- d. ALTER COLUMN OrderID integer
FROM Orders

Đáp án: c.



SQL là viết tắt của:

- a. Structured Query Language
- b. Structured Question Language
- c. Strong Question Language
- d. Simple Query Language

Trong SQL, để định nghĩa một số Decimal có tối đa 7 chữ số, có 4 chữ số thập phân.

Ta khai báo:

a. Decimal(8,3)

b. Decimal(7,3)

c. Decimal (4,3)

d. Decimal(7,4)

Đáp án: d

Một bảng có một khóa duy nhất > Một câu truy vấn thực hiện thao tác trên bảng sử dụng khóa này. Bảng có n hàng. Một hàng có 1 giá trị của khóa là rỗng ('null'). Query trả về kết quả là bao nhiêu dòng?

- a. Ít hơn n dòng
- b. Nhiều hơn n dòng
- c. Không có dòng nào
- d. n dòng

Đáp án: a



Một thuộc tính nguyên tố là một thuộc tính:

a. là thành phần của ít nhất một khóa dự
tuyển.

b. Là thành phần của một khóa ngoại

c. Là một giá trị đơn

d. Là thành phần của khóa chính

Đáp án: a

Cho quan hệ: Nhanvien(MaNv, TenNV)

MaNV HoNV

1 An

2 Hoa

Cho câu truy vấn : `SELECT * FROM NHANVIEN,`
thứ tự các dòng trả về sẽ dựa trên:

- a. Theo giá trị của cột MANV, rồi đến cột TenNV
- b. Dựa trên khóa chính
- c. Dựa vào thứ tự các dòng khi cần chèn vào bảng, dòng nào chèn trước sẽ xếp trước
- d. Không có thứ tự

Đáp án: b